

BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA (TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

NGUYỄN THỊ HẬU*

Tóm tắt: Thành phố Hồ Chí Minh có 3000 năm lịch sử, một đô thị hơn 300 tuổi. Là trung tâm kinh tế - văn hóa lớn nhất Việt Nam, hiện nay các di sản văn hóa của thành phố Hồ Chí Minh đang chịu nhiều thách thức về kinh tế, về hệ thống văn bản pháp lý và quá trình thực thi, về các vấn đề xã hội... Làm thế nào để thành phố vừa phát triển hiện đại vừa bảo tồn được những di sản văn hóa trên mặt đất và di tích khảo cổ học dưới mặt đất? Giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển là vấn đề quan trọng hiện nay của thành phố Hồ Chí Minh và của nhiều đô thị khác ở Đông Nam Á.

Thành phố Hồ Chí Minh (trước năm 1976 mang tên Sài Gòn) có tọa độ 10°10' – 10°38' Bắc và 106°22' – 106°54' Đông. Có vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng về cả đường bộ, đường thủy và đường không trong nước, và còn là một cửa ngõ quốc tế của Việt Nam. Nằm ở vùng hạ lưu và là cửa biển của hệ thống sông Đồng Nai – sông Sài Gòn, địa hình thành phố Hồ Chí Minh là một mạng lưới sông ngòi kênh rạch lớn nhỏ đan xen chằng chịt, những gò đất cao bên cạnh khu vực rừng ngập mặn ven biển (hiện nay là Khu dự trữ sinh quyển thế giới) làm cho môi trường tự nhiên rất đa dạng phong phú. Vị trí địa lý và tiến trình lịch sử đã tạo nên những đặc trưng văn hóa độc đáo của thành phố Hồ Chí Minh.

1. Lược sử quá trình hình thành và phát triển

Thành phố Hồ Chí Minh có một hệ thống di tích khảo cổ học niên đại từ 3000-2500 năm cách ngày nay. Tuy số lượng không nhiều nhưng tiêu biểu của quá trình phát triển của thời tiền sử: đây là trung tâm của lưu vực sông Đồng Nai, phát triển một “cảng thị sơ khai” giao lưu thương mại đường biển với quần đảo Đông Nam Á, Trung Quốc và Ấn Độ. Từ đó có đóng góp quan trọng vào sự hình thành và thịnh đạt của văn hóa Óc Eo và vương quốc cổ Phù Nam vào những thế kỷ đầu Công nguyên.

Các di tích tiền - sơ sử đều là di chỉ cư trú hoặc mộ táng, hầu hết phát hiện tình cờ nhưng đã được khai quật một cách khoa học và với quy mô lớn, tư liệu hiện vật được nghiên cứu và lưu giữ cẩn thận, nhiều hiện vật đã được trưng bày tại hai bảo tàng lớn của thành phố nhằm giới thiệu phần nào về lịch sử xa xưa của vùng đất này. Mặc dù số lượng di tích tiền - sơ sử khai quật còn ít, nhưng đều là những di tích tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của thành phố, là những mắt xích quan trọng nối liền từ khoảng 3000 năm trước đến nay. Đặc biệt giai đoạn 1-2 thế kỷ trước - sau Công Nguyên là thời kỳ diễn ra quá trình chuyển biến từ các văn hóa thời tiền sử như văn hóa Đồng Nai sang nền Văn minh Óc Eo của quốc gia cổ Phù Nam.

Từ sau thế kỷ VII vùng đất Nam Bộ có nhiều biến động về chính trị – văn hóa – tộc người. Vương quốc Phù Nam suy tàn nhưng những cộng đồng cư dân nơi đây vẫn tiếp tục truyền thống Văn hóa Óc Eo trên nền cảnh điều kiện lịch sử xã hội có nhiều thay đổi. Giai đoạn này vùng đất Sài Gòn nằm xa cả

* TS. Viện nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh

hai trung tâm thương mại và chính trị của Đông Nam Á lục địa: trung tâm thương mại – cảng thị chuyển xuống vùng bán đảo Malacca, còn trung tâm chính trị đã được hình thành trên vùng Biển Hồ – Tonle Sap. Mặt khác, sự cộng cư giữa các tộc người bản địa lưu vực Đồng Nai - Đông Nam Bộ (Mạ, Stiêng...) và người Chăm, người Khmer đã làm cho sắc thái văn hóa nơi đây ngày càng đa dạng. Một vài dấu tích khảo cổ ở nội thành nhưng đã phản ánh sự tồn tại của “đô thị cổ” với nhiều kiến trúc tôn giáo và công trình xây dựng khá đồ sộ. Một thực tế của giai đoạn này là vùng đất Sài Gòn giữa sông Vàm Cỏ và sông Đồng Nai khá “*biệt lập*” với trung tâm hai quốc gia cổ Chân Lạp và Champa trong thời gian khá dài từ thế kỷ VIII – XVI, khi lưu dân người Việt, người Hoa đến đây mở mang khai phá.

Từ đầu thế kỷ XVII, Sài Gòn – Bến Nghé lần lượt trở thành cảng sông – phố chợ – nơi thu thuế (1623), trung tâm chính trị – hành chính (1689), trung tâm thương nghiệp của “xứ Đàng Trong”, “Gia Định kinh” (1790) của các chúa Nguyễn rồi vương triều Nguyễn (1802). Vị thế quân sự – chính trị – kinh tế – văn hóa của Sài Gòn đối với Đồng bằng sông Cửu Long được khẳng định. Trải qua các biến cố quân sự – chính trị trong suốt gần 300 năm, các công trình đền lũy (lũy Bán Bích – 1772), Thành (thành Gia Định - thành Quy do Nguyễn Ánh xây năm 1790, thành Phụng do Minh Mạng xây lại vào năm 1835 trên cơ sở một phần nhỏ của thành Quy), đại đồn Kỳ Hòa và nhiều công trình khác đã thành bình địa nhưng chắc chắn nền móng và dấu tích của chúng vẫn còn ẩn trong lòng đất. Giai đoạn hình thành Bến Nghé – Sài Gòn phản ánh quá trình tụ cư nhanh chóng của người Việt, người Hoa. Trong quá trình khẩn hoang lập ấp, phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp... lưu dân đã duy trì những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của quê hương làm chỗ dựa tinh thần ở

vùng đất mới. Đình, chùa, đền, miếu, hội quán... xây dựng trong khoảng 300 năm nay thể hiện sự đa dạng và hội tụ văn hóa của nhiều cộng đồng cư dân và những sinh hoạt tinh thần của họ.

Giữa thế kỷ XIX, ngay sau khi đánh chiếm Bến Nghé – Sài Gòn (1861), để phục vụ việc chiếm đóng và cai trị lâu dài toàn bộ Nam Kỳ, giới chức quân sự Pháp đã chủ trương cải tạo, xây dựng khu vực Bến Nghé từ trung tâm chính trị – quân sự của triều Nguyễn thành “Thủ phủ” của chính quyền thực dân ở Đông Dương. Sài Gòn bắt đầu phát triển theo kiểu đô thị Tây phương bằng chương trình quy hoạch khoa học và chi tiết. Từ cuối thế kỷ XIX các dự án thiết kế và xây dựng Sài Gòn chủ yếu dọc theo cảng Bến Nghé, những gò đất cao quanh đó mọc lên các công trình và trở thành khu trung tâm của thành phố. Chợ Lớn khi đó là trung tâm sản xuất thủ công của người Hoa, khoảng đầu thế kỷ XX Chợ Lớn cũng dần được đô thị hóa nhưng vẫn mang sắc thái thương mại buôn bán của “khu phố Tàu”. Sài Gòn – Chợ Lớn nối liền với nhau (bằng hai trục chính là đường Trần Hưng Đạo và 3 tháng 2 ngày nay), song vẫn là hai khu vực: Sài Gòn chủ yếu là trung tâm chính trị – văn hóa còn Chợ Lớn là khu thương mại, tập trung các chợ đầu mối hàng hóa nông sản từ miền Tây lên hoặc đưa về miền Tây. Di sản văn hóa ở khu vực Chợ Lớn không chỉ là chùa, miếu, hội quán hay những lễ hội đặc trưng của người Hoa, mà còn là những khu phố cổ, nhưng dãy nhà kiến trúc điển hình nhà phố chợ của người Hoa dọc bên Bình Đông. Còn ở khu vực Sài Gòn là những phố, hẻm của những biệt thự xinh xắn mang vẻ đẹp của kiến trúc cổ điển châu Âu nhưng gần gũi và đã trở nên quen thuộc với người Sài Gòn.

Thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn được quy hoạch trở thành một đô thị – thương cảng kiểu phương Tây: từ hạ tầng cơ sở như đường bộ thay thế giao thông trên kênh rạch, hệ

thống điện, đường cống ngầm thoát nước, xử lý chất thải và vệ sinh thành phố... đến việc phát triển những ngành nghề dịch vụ, hình thành tầng lớp thị dân và lối sống, văn hóa đô thị, khu dân cư, khu thương mại, nhà thờ, quảng trường, công sở, các thiết chế văn hóa đô thị (thư viện, rạp hát, rạp chiếu phim, sân vận động,...). Những kiến trúc lớn như Trụ sở công ty vận tải biển Hoàng Gia (Bến Nhà Rồng), Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện, Nhà hát Thành phố, Bảo tàng Thành phố, Bảo tàng Lịch sử, Tòa án, Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố... hợp thành khu trung tâm ngay từ khi thành phố chỉ mới có vài trăm ngàn dân, trở thành những công trình tiêu biểu cho sự phù hợp giữa kiến trúc với công năng nhưng không hề lạc hậu dù đã hơn một thế kỷ trôi qua.

Từ giữa thế kỷ XX Sài Gòn là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của chính quyền miền Nam Việt Nam, một trung tâm quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á. Thành phố được mở rộng hơn nhiều và trở thành một đô thị lớn và hiện đại.

Từ sau năm 1975 tại Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh quá trình đô thị hóa phát triển mạnh mẽ để phục vụ cho cuộc sống của hơn 7 triệu cư dân thành phố và khoảng 2 triệu người nhập cư.

Trải qua các giai đoạn lịch sử Sài Gòn luôn là một trung tâm kinh tế quan trọng có tầm ảnh hưởng đến một khu vực rộng lớn, đồng thời có những đặc trưng văn hóa khác với nhiều thành phố khác ở Việt Nam.

2. Những di sản văn hóa đặc trưng và thực trạng

2.1. Di sản văn hóa đặc trưng

*** Sài Gòn là đô thị sông nước**

Sông Sài Gòn là giao thông đường thủy quan trọng nhất, cảng Sài Gòn là cửa ngõ thông thương với nước ngoài. Hệ thống kênh rạch dày đặc là những con đường huyết mạch

để vận chuyển lúa gạo và các loại nông sản, hàng hóa khác từ Đồng bằng sông Cửu Long lên Cảng Sài Gòn để xuất khẩu. Thương cảng Sài Gòn, từ góc độ lịch sử có thể coi là đặc điểm chủ yếu của đô thị Sài Gòn.

- Hệ thống đường sông, kênh rạch ở Sài Gòn phục vụ cho sự phát triển của nghề thủ công làm gốm nổi tiếng là “Xóm Lò Gốm” còn lại nhiều dấu tích như kênh Lò gốm, đường Lò Siêu, khu lò lu, bến mảnh sành, cầu lò chén... Từ đầu thế kỷ XX do quá trình đô thị hoá nên vùng gốm Sài Gòn không còn điều kiện để phát triển sản xuất, truyền thống và kỹ thuật sản xuất “gốm Sài Gòn” sau đó phát triển ở vùng gốm Biên Hòa (Đồng Nai), Lái Thiêu (Bình Dương)...

- Hệ thống sông rạch làm nên cảnh quan “trên bến dưới thuyền” của Sài Gòn: những con sông, kênh rạch với những bến sông nổi tiếng sinh hoạt buôn bán, cảnh quan văn hóa đặc trưng: sông – bến chợ – phố chợ ven sông – làng ven sông – giao thông đường thủy – ghe thuyền - cầu qua sông...

Hiện nay đại lộ Đông Tây được xây dựng đã đáp ứng nhu cầu giao thông và mang lại hiện đại cho thành phố, nhưng trả giá cho việc này là dọc hai bên sông – cũng là dọc theo đại lộ, những dãy nhà phố buôn bán biển mặt, những tòa cao ốc đã và đang mọc lên. Vẻ đẹp cổ xưa “trên bến dưới thuyền” sầm uất mà hồi giữa thế kỷ XX vẫn còn được ghi nhận đã không còn nữa.

*** Sài Gòn là đô thị của sự giao lưu và hội nhập văn hóa**

Sài Gòn có một hệ thống sông lớn và có cửa biển Cần Giờ nên đây là một cảng thị từ rất sớm, cũng là nơi có sự giao lưu mạnh mẽ với các quốc gia khác qua đường biển. Từ thế kỷ XVII nhiều cư dân từ nơi khác đến khai phá vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Sự hình thành đô thị Sài Gòn là quá trình tụ cư và hội nhập văn hóa nhanh chóng của

người Việt, người Hoa với những tộc người bản địa. Họ đã duy trì và phát triển những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của mình và xây dựng các ngôi đình, chùa của người Việt; đền, miếu, hội quán của người Hoa; chùa của người Khmer; nhà thờ của người Chăm Hồi giáo, nhà thờ Công giáo, Tin lành... Các kiến trúc tôn giáo xây dựng trong khoảng 300 năm nay thể hiện sự đa dạng và hội tụ văn hóa của nhiều cộng đồng cư dân. So với Hà Nội hay Huế thì di tích ở Sài Gòn không nhiều, niên đại muộn, đặc trưng kiến trúc - trang trí thể hiện sự giao lưu văn hóa đậm nét, cần nghiên cứu từ góc độ bối cảnh lịch sử - văn hóa đặc thù của vùng đất này thì mới đánh giá thỏa đáng.

Ngoài ra còn có nhiều ngôi nhà cổ, một số khu lăng mộ... Do nhu cầu của cuộc sống mà những di tích là đối tượng bị phá hủy nhiều nhất trong quá trình đô thị hóa.

*** Sài Gòn là đô thị kiểu phương Tây**

Di sản văn hóa nổi bật là cảnh quan đô thị kiểu phương Tây: lấy sông Sài Gòn làm chuẩn các đường phố ngang dọc chia đô thị Sài Gòn (vốn trải dài ven sông, kênh rạch) thành những ô vuông, trong đó là các công sở, biệt thự, trường học, bệnh viện và các công trình công cộng khác. Kiến trúc tôn giáo quan trọng là nhà thờ công giáo trở thành trung tâm của một khu vực dân cư, có thể nhận thấy trung tâm thành phố Sài Gòn nằm trong tam giác có 3 đỉnh là 3 nhà thờ cổ: Tân Định – Đức Bà – Huyện Sĩ (khu vực trung tâm). Những công trình kiến trúc dành cho công sở cho đến nay vẫn còn giữa được công năng, cảnh quan khu trung tâm thành phố là những con đường với hàng cây cao vút, những biệt thự mang vẻ đẹp của kiến trúc cổ điển châu Âu nhưng gần gũi và đã trở nên quen thuộc, là một phần không thể thiếu của thành phố, là “dấu ấn Sài Gòn” đối với người đi xa và người đến Sài Gòn.

2.2. Thực trạng hệ thống di tích lịch sử - văn hóa Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh

Di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là dấu tích vật chất phản ánh lịch sử văn hóa của vùng đất Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh, những dấu tích này không còn nhiều. Thời gian qua hệ thống di tích lịch sử văn hóa của thành phố đã được sử dụng và phát huy giá trị trong việc nghiên cứu học tập và phục vụ tham quan du lịch.

Di tích thuộc loại hình kiến trúc – nghệ thuật thường là những công trình tôn giáo tín ngưỡng. Được xây dựng từ khoảng hơn trăm năm với vật liệu gỗ là chính nên nhiều di tích đang xuống cấp trầm trọng, đòi hỏi cần được trùng tu ngay. So với Hà Nội hay Huế thì loại hình này ở Sài Gòn không nhiều, niên đại muộn, đặc trưng kiến trúc - trang trí thể hiện sự giao lưu văn hóa đậm nét, nhiều chiều... mà nếu không từ góc độ bối cảnh lịch sử - văn hóa đặc thù của vùng đất này để nghiên cứu thì khó có được sự đánh giá thỏa đáng. Hệ thống mộ cổ ở thành phố mang tính tiêu biểu cho loại hình di tích này của cả Nam Bộ, tuy đã được khảo sát, khai quật một số di tích nhưng nhìn chung vẫn chưa được chú ý đúng mức. Đặc biệt quá trình chỉnh trang đô thị và đô thị hóa đang trực tiếp “đe dọa” các di tích đặc thù này. Một loại hình di tích nữa là các ngôi nhà cổ hiện nay gần như chưa được sự quan tâm và đầu tư bảo vệ, bảo tồn từ phía các cơ quan chức năng của nhà nước. Nhiều cá nhân chủ sở hữu nhà cổ đã gặp rất nhiều khó khăn cả về kinh phí và phương pháp trong việc bảo tồn. Đó là chưa kể đến việc “sức ép” từ nhu cầu cuộc sống hiện đại đòi hỏi họ phải coi nới, có khi phá bỏ để xây một ngôi nhà mới tiện nghi hơn. Di tích “Sài Gòn 300 năm” còn có các công xưởng, nhà máy, công trình xây dựng, máy móc từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, mà ngày nay được xếp vào loại hình di tích của ngành “khảo cổ học công nghiệp và đô thị”. Vì vậy, đây cũng là một thế mạnh của di sản lịch sử thành phố.

Nhìn lại sự phát triển của thành phố Sài Gòn trong vài thập kỷ qua, điều dễ dàng nhận thấy là vẻ đẹp của sự quy hoạch đồng bộ, lâu dài, của phong cách kiến trúc sang trọng mà tiện dụng, của những chi tiết trang trí thanh thoát mà ấn tượng... đang dần biến dạng, biến mất, do nhiều nguyên nhân. Ngành kiến trúc và quy hoạch cũng đã nói nhiều về tình trạng này: quản lý đô thị kém, nhận thức chưa đầy đủ về di sản văn hóa thời thuộc địa, không có quy hoạch phát triển thành phố mang tầm chiến lược... Chính vì vậy nhiều di sản vật chất đã biến mất, hệ quả tất yếu là những di sản tinh thần cũng bị mai một, trong đó rõ ràng nhất là sự biến mất, nhạt đi của “không gian văn hóa sông nước” trong nội thành thành phố. Một ví dụ: Đại lộ Đông Tây được xây dựng mang lại vẻ hiện đại cho thành phố, nhưng trả giá cho việc này là dọc hai bên sông – cũng là dọc theo đại lộ, từ quận 6, quận 8, quận 5 đến quận 4, quận 1 những dãy nhà phố liên kết kiểu thị tứ buôn bán biến mất, những tòa cao ốc đã và đang mọc lên. Đâu rồi vẻ đẹp cổ xưa “trên bến dưới thuyền” sầm uất mà hồi giữa thế kỷ XX vẫn còn được ghi nhận?

Những công trình trên mặt đất thì như vậy. Còn những dấu tích trong lòng đất thì sao?

Từ khi Luật Di sản văn hóa ra đời và thực thi, tại thành phố Hồ Chí Minh chưa có một công trình xây dựng nào trong khu vực đô thị cổ Sài Gòn – Chợ Lớn nói trên mà ngành Khảo cổ học thành phố được thực hiện quyền và trách nhiệm của mình trong việc khai quật khảo sát trước khi xây dựng. Điển hình là khu vực dọc đường Lê Duẩn (quận 1). Nơi đây nằm trong phạm vi thành Gia Định, chưa kể đến những dấu tích thời tiền sử đã tìm thấy ở hai đầu đường (Nhà thờ Đức Bà và Thảo cầm viên). Những hố móng sâu hàng chục mét của các công trình này chắc chắn đã bóc đi toàn bộ những gì còn lưu lại của vài ngàn năm trước, của vài trăm năm trước ở đây. Trong cơn lốc “hiện đại hóa” đô thị, còn biết bao

công trình như thế đã, đang và sẽ xây dựng, và như vậy, biết bao di tích, di vật sẽ biến mất, không còn cơ hội cất lên tiếng nói của lịch sử với thế hệ mai sau. Ở đây không thể không nói đến trách nhiệm của ngành văn hóa – cơ quan quản lý nhà nước và tham mưu cho lãnh đạo thành phố các vấn đề về văn hóa và bảo vệ di sản văn hóa. Tuy nhiên, cũng không thể không nhìn nhận một thực trạng, đó là vài năm gần đây tại thành phố, hoạt động khảo cổ học hầu như không được quan tâm... Đường như có quan niệm cho rằng, ở thành phố chỉ cần quan tâm đến di tích trên mặt đất, còn trong lòng đất, những gì có được trong các bảo tàng cũng đã là quá đủ!

Đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, lại không tuân thủ quy hoạch cũng như chưa có hoạch định rõ ràng, các vùng ngoại ô có tiềm năng về khảo cổ học như quận 2, quận 9, Thủ Đức, quận 12, Hóc Môn, huyện Củ Chi, Cần Giờ... cần được đặt trong bản đồ khảo cổ học chung của miền Đông Nam bộ để thấy được mức độ quan trọng của khu vực này.

Việc tuyên truyền giáo dục ý thức cộng đồng cũng chưa thật sự có hiệu quả. Đa phần dân chúng quan tâm đến các di tích là do nhu cầu “hưởng thụ cá nhân” về tinh thần, chứ chưa phải là xuất phát từ ý thức đối với cộng đồng và xã hội. Do đó có nhiều hành vi xuất phát từ việc thực hành nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo nhưng lại góp phần làm tổn hại đến di tích, chưa kể những hành vi vô ý thức, thậm chí cố tình phá hoại di tích, cảnh quan không gian di tích để trục lợi. Mặt khác cần nhận thấy việc đào tạo cán bộ quản lý di sản văn hóa – từ/ trên – thực – tiễn đã không được chú ý, ngay cả trong các trường Đại học, cao đẳng có những chuyên ngành liên quan đến di sản văn hóa. Vì vậy, những bất cập đối với các di tích tiếp tục diễn ra mà không có người có kiến thức khoa học và thực tiễn để thực hiện những biện pháp ngăn chặn hữu hiệu.

3. Bảo tồn di sản văn hóa Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Những khó khăn, thách thức

Thách thức lớn nhất đối với Thành phố Hồ Chí Minh là khẳng định được đặc trưng và bản sắc văn hóa của mình trong quá trình lịch sử và sự phát triển liên tục hướng đến thành phố hiện đại trong tương lai. Tuy nhiên, do trình độ quản lý đô thị kém, nhận thức chưa đầy đủ về di sản văn hoá thời thuộc địa, quy hoạch phát triển thành phố chưa mang tầm chiến lược... dẫn đến việc thu hẹp các công viên, tận dụng tất cả khuôn viên của các kiến trúc cổ, việc làm biến dạng, thậm chí “giết chết” các kênh rạch, vùng cây xanh, ao hồ, đập bỏ hay thay đổi kiến trúc các công trình cổ... mang lại cái lợi trước mắt cho một nhóm người nhưng đồng thời xóa bỏ linh hồn văn hoá của thành phố.

- Quá trình đô thị hoá ào ạt làm cho rất nhiều giá trị của đô thị vốn có sẽ mất đi. Áp lực sinh lợi kinh tế tức thời và sự thiếu khôn ngoan tinh táo, thiêu tâm nhìn xa trong hoạch định chính sách, quy hoạch đô thị tất dẫn tới việc khai thác triệt để đất đai khu vực trung tâm của đô thị cũ. Quá trình đô thị hoá tại các nước đang phát triển như Việt Nam dưới áp lực toàn cầu hoá cả về địa – kinh tế lẫn áp lực của “nghệ thuật kiến trúc hiện đại” làm biến mất bản sắc văn hoá của mỗi đô thị.

- Sự thay thế của một bộ phận dân cư sau 1975 và sự nhập cư ồ ạt những năm gần đây và tình trạng chuyển đổi sở hữu chung, riêng đối với các công trình này. Tư duy buôn bán nhỏ lẻ làm phát triển xu hướng tận dụng “nhà mặt tiền”, vỉa hè... để buôn bán, làm cho cấu trúc thay đổi xấu, cảnh quanh lộn xộn không có sự văn minh của một đô thị hiện đại.

- Hệ thống luật pháp, chính sách bảo tồn di sản văn hóa chưa được phổ biến rộng rãi. Việc tuân thủ luật pháp của người dân, của các nhà đầu tư chưa tốt do chỉ nhìn thấy lợi ích kinh tế trước mắt. Cơ quan quản lý nhà

nước về di sản văn hóa chưa đủ năng lực và điều kiện thực thi chức trách. Sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa đồng bộ.

3.2. Một số dự án bảo tồn di sản văn hóa đô thị

- Tổng điều tra di sản văn hóa thành phố; Danh mục những di sản đã được công nhận, danh sách 180 công trình cần bảo tồn.

- Phối hợp với Trung tâm dự báo và nghiên cứu đô thị vùng Lion (Cộng hòa Pháp) – PADDI điều tra nghiên cứu bảo tồn khu vực trung tâm thành phố, phối hợp với một cơ quan tư vấn của Tây Ban Nha điều tra nghiên cứu bảo tồn khu vực Chợ Lớn. Quy hoạch chung toàn thành phố đến năm 2025, quy hoạch đô thị khu trung tâm do công ty Nikken Seikei Nhật Bản thiết kế, quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm do công ty tư vấn Pháp thiết kế... đều lưu ý và đặt vấn đề bảo tồn di sản văn hóa lên hàng đầu.

- Bảo tồn di sản gắn với việc phát huy giá trị di sản qua du lịch văn hóa, đưa cộng đồng tham gia và trực tiếp được lợi từ việc bảo tồn di sản thông qua việc nâng cao kiến thức và sự hiểu biết cho người dân.

- Cũng như những thành phố khác, khi giải quyết mâu thuẫn giữa việc bảo tồn kiến trúc cổ với việc phát triển công trình mới thì phân thiệt thòi luôn về phía kiến trúc cổ. Để bảo vệ những di tích này không chỉ cần có kiến thức khảo cổ, bảo tồn nói chung, mà cần có cả một ngành “nghiên cứu khảo cổ kiến trúc” phục vụ việc bảo tồn các kiến trúc này, bởi nhiệm vụ, mục tiêu của khảo cổ học kiến trúc không hoàn toàn giống khảo cổ học tiền – sơ sử. Để làm được việc này phải có sự phối – kết hợp giữa nhà khảo cổ và kiến trúc sư tu bổ công trình, với chủ dự án tôn tạo, cùng vì một mục đích tối thượng là bảo tồn giá trị của di tích. Đây chính là điểm yếu trong nghiên cứu và giảng dạy khảo cổ học ở thành phố Hồ Chí Minh, nói riêng và cả nước nói chung, trong

cả việc nghiên cứu và giảng dạy về kiến trúc đô thị trong các trường đại học kiến trúc.

3.3. Xây dựng chiến lược bảo tồn di sản đô thị

- Căn cứ pháp lý: Luật Di sản văn hóa năm 2002 và bổ sung năm 2010, Luật xây dựng, Luật Đô thị và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Các quy định về việc xếp hạng, công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp thành phố, quốc gia.

- Vấn đề bảo vệ di sản văn hóa thực chất là chính sách và thực thi chính sách quản lý đô thị. Khi dân cư chưa có đầy đủ ý thức, khi luật pháp và các biện pháp chế tài chưa đủ mạnh thì ý chí của chính quyền đô thị cực kỳ quan trọng. Từ ý chí này sẽ có những quyết sách và giải pháp hữu hiệu để thực thi việc bảo vệ di sản văn hóa, cũng là biện pháp quan trọng để giáo dục ý thức của người dân.

- Quy hoạch chung: Xác định khu vực di sản văn hóa phải bảo tồn, từ đó có chính sách quy định cụ thể của các ngành liên quan sự phát triển xây dựng mới của khu vực gồm các quận 1, quận 3, quận 5. Từ đó triển khai các dự án khảo sát, nghiên cứu bảo tồn từng khu vực, phối hợp với các tổ chức nước ngoài là khả thi nhất vì tận dụng được kinh nghiệm, phương pháp khoa học, cách tiếp cận mới và qua đó, đào tạo nhân lực cho công tác bảo tồn di sản.

- Bảo tồn di sản văn hóa vật thể gắn liền di sản văn hóa phi vật thể: lễ hội, sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, lối sống... của cư dân. Xây dựng cho cư dân nếp sống Văn minh đô thị là một yếu tố quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

- Phát triển một thành phố hiện đại với những công trình sẽ trở thành di sản văn hóa trong tương lai: quy hoạch xây dựng những công trình có giá trị biểu tượng văn hóa chứ không chỉ thể hiện tiềm lực kinh tế.

Kết luận

Mỗi thành phố được hình thành với những đặc điểm riêng, địa thế, môi trường, lịch sử và con người đã tạo nên tính cách của nó. Bởi thế, không có thành phố nào giống thành phố nào. Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh cũng vậy. Với lợi thế của vị trí địa lý thuận tiện cho thông thương và giao lưu kinh tế - văn hóa, là một đô thị trẻ, năng động, sáng tạo, thành phố Hồ Chí Minh đang đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, xây dựng thành phố văn minh hiện đại và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh của sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và thành phố Hồ Chí Minh, “phát triển bền vững” không chỉ là mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên, mà chủ yếu là mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và các vấn đề văn hóa – xã hội. Văn hoá và xã hội là mục đích của sự phát triển, sự phát triển *kinh tế* bền vững đòi hỏi sự bền vững trong phát triển *xã hội* và *văn hoá*. Nói khác đi, phát triển kinh tế mà không bảo tồn gìn giữ di sản văn hoá vật chất và tinh thần thì đó là sự phát triển què quặt, không cân đối... sẽ dẫn đến sự đổ vỡ của quá trình phát triển kinh tế và xã hội, tức là không đạt được mục tiêu “phát triển bền vững”. Đây chính là sự cảnh báo cần thiết cho quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh.

Chú thích

1. Lê Xuân Diễm, Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoài Hương (2007), “100 câu hỏi về khảo cổ học Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh”, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
2. Trịnh Hoài Đức (1998), “*Gia Định thành thông chí*”, Nxb. Giáo Dục.
3. Nguyễn Thị Hậu (2007), “*Đô thị Sài Gòn nhìn từ khảo cổ học*”, *Nam Bộ đất và người, tập 6*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1998), “*Địa chỉ văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*”, *tập 1: Lịch sử*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.